



wài chū

外出

Verb · to go out

Example Sentences

niǎo ér zài qīng chén wài chū mì shí
鸟儿在清晨外出觅食。

Birds go out to forage for food in the early morning.

léi yǔ tiān qì zuì hǎo bú yào wài chū
雷雨天气最好不要外出。

It's best not to go out in thunderstorm weather

jīn tiān tiān qì qíng lǎng shì hé wài chū
今天天气晴朗，适合外出。

The weather is sunny today, suitable for going out.

Trace each character, then write the word on your own.

外	外	外	外	外	外	外	外												
出	出	出	出	出	出	出	出												